

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

HỌC PHẦN: **Giáo Dục Thể Chất 2** Số Tín chỉ: **1** LỚP: **14CD-Ô3**
HỌC KỲ: **II** NĂM HỌC: **2014 - 2015**

TT	MSSV	Họ tên sinh viên		Điểm bảo lưu	LBT1	THL1	LBT2	THL2	LBT3	THL3	GHP	THI CHÍNH	Điểm HP
					20%						30%	50%	
1	14D2050046	Đặng Tiến	Anh		0	0					0	0	0.0
2	14D2050052	Lê Ngô Gia	Bảo		7	7					7	5	6.0
3	14D2050057	Võ Chí	Công		7	10					8	6	7.1
4	14D2050061	Lê Văn	Cương		8	8					10	6	7.6
5	14D2050063	Nguyễn Chí Quốc	Cường		0	0					9	0	2.7
6	14D2050290	Nguyễn Tuấn	Dũng		6	7					6	6	6.1
7	14D2050068	Đỗ Thành	Duy		7	10					9	9	8.9
8	14D2050073	Đỗ Văn	Đạo		7	8					10	5	7.0
9	14D2050078	Trần Huỳnh Phát	Đạt		8	8					8	5	6.5
10	14D2050083	Nguyễn Văn	Đức		6	8					9	8	8.1
11	14D2050088	Lê Văn	Hải		9	10					10	9	9.4
12	14D2050091	Nguyễn Ngọc	Hào		8	9					8	8	8.1
13	14D2050098	Huỳnh Trung	Hiếu		6	8					8	0	3.8
14	14D2050101	Bành Xuân	Hoàng		6	6					9	0	3.9
15	14D2050103	Trần Ngọc	Huân		7	8					7	7	7.1
16	14D2050108	Lê Công	Huy		9	10					10	9	9.4
17	14D2050116	Nguyễn Công	Khải		7	6					9	7	7.5
18	14D2050118	Đổng Xuân	Khánh		6	6					7	8	7.3
19	14D2050123	Trần	Khôi		8	7					8	6	6.9
20	14D2050128	Phan Hồng	Linh		0	0					0	0	0.0
21	14D2050133	Nguyễn Xuân	Lượng		8	8					9	7	7.8
22	14D2050136	Nguyễn Văn	Minh		6	9					7	7	7.1
23	14D2050138	Nguyễn Hữu	Năm		8	10					9	10	9.5
24	14D2050143	Nguyễn Trọng	Nghĩa		6	6					8	5	6.1
25	14D2050148	Đào Thanh	Nhàn		6	0					7	0	2.7
26	14D2050153	Phan Thanh	Nhật		9	10					10	8	8.9
27	14D2050291	Phan Văn	Pháp		7	9					10	8	8.6
28	14D2050158	Huỳnh Thiện	Phong		0	0					5	0	1.5
29	14D2050268	Huỳnh Thiện	Phúc		7	9					10	8	8.6
30	14D2050163	Lê Minh	Phúc		7	8					9	6	7.2
31	14D2050173	Lê Thành	Quyên		8	10					10	8	8.8
32	14D2050183	Quách Ngô Chi	Tài		7	6					6	5	5.6
33	14D2050270	Lê Trần Tứ	Thạch		7	6					9	8	8.0
34	14D2050281	Bạch Hồng	Thái		6	8					7	0	3.5
35	14D2050188	Đặng Minh	Thắng		6	8					9	8	8.1
36	14D2050191	Nguyễn Văn	Thắng		6	6					9	8	7.9
37	14D2050193	Tô Đức	Thắng		7	7					8	8	7.8
38	14D2050286	Phạm Nguyễn Huy	Thành		7	8					9	8	8.2
39	14D2050198	Nguyễn Ngọc	Thiện		7	9					10	6	7.6
40	14D2050201	Lê Quang	Thịnh		9	9					10	9	9.3
41	14D2050203	Trần Thiện	Thịnh		6	8					9	8	8.1
42	14D2050208	Võ Huy	Tiến		0	0					0	0	0.0
43	14D2050213	Đào Văn	Tinh		6	9					8	9	8.4
44	14D2050218	Trương Ngọc	Toàn		7	7					8	8	7.8
45	14D2050221	Phan Minh	Trí		7	10					10	7	8.2
46	14D2050223	Phạm Hiền	Triết		6	8					9	6	7.1
47	14D2050228	Mai Duy	Trung		6	8					10	7	7.9
48	14D2050233	Lê Đình	Tú		6	7					8	5	6.2
49	14D2050238	Phan Xuân	Tuấn		7	8					8	8	7.9
50	14D2050243	Phan Thanh	Tùng		6	7					10	9	8.8
51	14D2050247	Phạm Duy	Tường		6	10					10	0	4.6

TT	MSSV	Họ tên sinh viên	Điểm bảo lưu	LBT1	THL1	LBT2	THL2	LBT3	THL3	GHP	THI CHÍNH	Điểm HP
				20%						30%	50%	
52	14D2050252	Ngô Trần Nguyễn Bá Vinh		8	10					10	7	8.3
53	14D2050255	Lê Vinh Anh Vũ		8	9					10	5	7.2
54	14D2050256	Trần Thanh Vũ		8	10					9	7	8.0
55	14D2050259	Lê Hữu Ý		9	10					10	5	7.4

Yêu cầu : Khoa niêm yết cho sinh viên, lưu Giáo vụ Khoa và nộp bản chính cho Phòng TS - Đào tạo - GTVL.

Tổng danh sách có : 55 SV

Tổng số SV có điểm Giỏi từ 8,5 đ đến 10 đ	: 11 SV	(20%)	
Tổng số SV có điểm Khá từ 7 đ đến <8,5 đ	: 27 SV	(49.09%)	Tổng số SV có điểm >= 4 đ : 46 SV (83.64%)
Tổng số SV có điểm Trung bình từ 5,5 đ đến <7 đ	: 7 SV	(12.73%)	
Tổng số SV có điểm Trung bình yếu từ 4 đ đến <5,5 đ	: 1 SV	(1.82%)	
Tổng số SV có điểm kém <4 đ	: 9 SV	(16.36%)	Tổng số SV có điểm < 4 đ : 9 SV (16.36%)
Tổng số SV không xếp loại vì chưa đủ điều kiện	: 0 SV	(0%)	

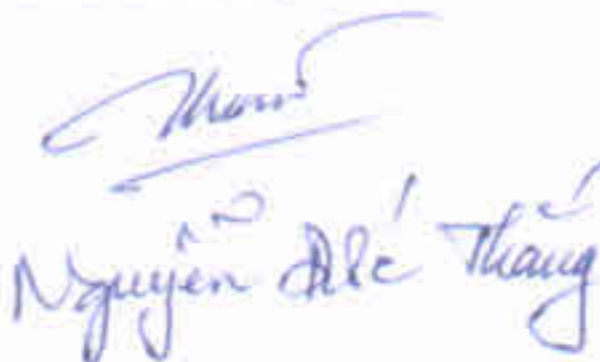
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2015

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIÁO VIÊN GIẢNG DẠY

P.T.K.



 Nguyễn Đức Thắng



Nguyễn Phú Tân

Nguyễn Tiến Dương